

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2017
V/v tranh chấp không công nhận quan
hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Trí.

Ông Trần Văn Thanh.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Nguyễn Việt Dũng, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường Đ; địa chỉ: đường Q, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Khánh T – Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà **Quách Thị T**; địa chỉ: đường D, khóm A, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/8/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ

trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T chung sống với nhau từ tháng 01/2015, hai bên không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, việc ông bà chung sống là tự nguyện, không ai ép buộc. Đến tháng 8/2017 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn vì tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, bất hòa từ đó ông Đ và bà T đã sống riêng; Ông Đ nhận thấy quan hệ giữa ông và bà T không phải là vợ chồng, việc ông bà chung sống với nhau không phù hợp pháp luật, hiện tại ông bà không còn yêu thương nhau và không muốn tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Trường Đ yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 25/10/2017, bị đơn bà Quách Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ chung sống với nhau vào khoảng năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì ông Đ dọn ra ở riêng chứ vợ chồng không có mâu thuẫn. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án không công nhận ông Đ và bà T là vợ chồng thì bà T không đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được hai căn nhà nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Nay bà T cho rằng về tài sản bà và ông Đ tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu,

việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ **vắng mặt** có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Quách Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Theo ông Nguyễn Trường Đ trình bày thì ông và bà Quách Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ và bà T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T trình bày ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ trình bày ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T cho rằng bà và ông Đ có 02 căn nhà đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Nay bà Thu và ông Đ tự thỏa thuận về tài sản, bà Thu không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Đ và bà Thu trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trường Đ là Luật sư Nguyễn Khánh T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Ông Nguyễn Trường Đ phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T là vợ chồng.
2. Về con chung: Ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T trình bày ông bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông Đ trình bày ông và bà T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T cho rằng bà và ông Đ có 02 căn nhà đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Nay bà T và ông Đ tự thỏa thuận về tài sản, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Ông Đ và bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Ông Nguyễn Trường Đ phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007843 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Trường Đ và bà Quách Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thúy Uyên